

Bản án số: 92/2021/HS-ST
Ngày 22/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Chí Thân và ông Nguyễn Văn Bốn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mây - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2021/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGÔ QUANG TR** (không có tên gọi khác). Sinh ngày 08 tháng 11 năm 1998, tại: Q, Q. Nơi ĐKKTT: Khu Đ, phường T, thị xã Q, Q; Nghề nghiệp: Thợ điện nước; Trình độ văn hóa: 10/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Ngô Quang A, sinh năm 1978 và bà Trần Thị Th, sinh năm 1980; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú ngày 22/9/2021, bị tạm giữ đến hết ngày 24/9/2021, thay đổi biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Hiện đang tại ngoại nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Khu 3, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q. Có đơn xin xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: Khu 3, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q. Có đơn xin xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Chị Dương Thị G, sinh năm 2003.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã S, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Anh **Bùi Văn B**, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Thôn 5, xã H, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/9/2021, chị Nguyễn Thị L thuê Ngô Quang Tr đến lắp đặt đường điện tại tầng hầm quán cà phê của gia đình thuộc khu 3, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q. Sau đó chị L nhờ cháu Dương Thị G trông hộ quán để đi công việc. Khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày Tr đi vệ sinh, nhìn thấy phòng ngủ của chị L mở cửa, ngán kéo bàn trang điểm không khóa, bên trong có một cọc tiền. Lợi dụng sơ hở, Tr lấy cọc tiền cho vào túi quần đem cất giấu ở dưới viên gạch lát vỉa hè cách khoảng 70m rồi quay về quán tiếp tục làm việc, khi hết giờ làm Tr ra lấy tiền mang về nhà. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, chị L phát hiện bị mất số tiền tổng cộng là 15.900.000 đồng và đã trình báo Công an, đồng thời giao nộp dữ liệu ghi lại từ camera an ninh của gia đình, xác định ngoài cháu G chỉ có một mình Tr trong quán. Ngày 22/9/2021, Ngô Quang Tr đến Công an thị xã Q đầu thú và tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền đã trộm cắp.

Quá trình điều tra Ngô Quang Tr đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 101/CT - VKSQY, ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q truy tố bị cáo Ngô Quang Tr về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Ngô Quang Tr khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q giữ nguyên quan điểm truy tố tại Bản cáo trạng về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Ngô Quang Tr phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt: Ngô Quang Tr từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng.

Giao bị cáo Ngô Quang Tr cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Q, tỉnh Q và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” đối với bị cáo Ngô Quang Tr.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị L và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L đã nhận lại toàn bộ số tiền 15.900.000 đồng, Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng:

Số tiền 15.900.000 đồng đã trả lại cho Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

* Tại phần tranh luận Bị cáo không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Bị cáo đã thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bản thân bị cáo đã đầu thú về hành vi của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Người làm chứng, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, trích xuất camera an ninh tại quán chị L cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 21/9/2021 tại khu 3, phường Q, thị xã Q, lợi dụng sơ hở của chị L, Ngô Quang Tr đã lén lút vào phòng ngủ của chị Nguyễn Thị L trộm cắp số tiền 15.900.000đ (mười năm triệu chín trăm nghìn đồng).

Bị hại là chị Nguyễn Thị L có lời khai trong hồ sơ thể hiện: Chị là chủ quán King Coffe tại khu 3, phường Q, thị xã Q. Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 21/9/2021, chị và chồng chị là Nguyễn Văn Long đi tiêm vắc – xin Covid 19 tại Trạm y tế phường P, thị xã Q. Do vậy, chị có nhờ D Thị G, sinh năm 2003 trông coi quán.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, vợ chồng chị về sau đó đi đến phòng ngủ để lấy tiền trong ngăn kéo bàn trang điểm thì phát hiện số tiền 15.900.000 đồng để trong ngăn kéo bị kẻ gian lấy mất. Sau đó, chị tiếp tục kiểm tra đồ đạc trong phòng thì không bị mất gì thêm. Sau đó, chị có hỏi chị G thì được biết trong lúc chị và chồng chị vắng nhà. Tại quán còn có Ngô Quang Tr, sinh năm 1998, trú tại: Khu Đ, phường T, thị xã Q là người chị thuê lắp đặt hệ thống điện tại quán nên chị nghi ngờ Tr là người lấy trộm số tiền để tại ngăn kéo bàn trang điểm trong phòng ngủ của chị. Sau đó, chị đã đến Cơ quan Công an để trình báo sự việc (Bút lục 62).

Trong đơn xin vắng mặt chị Nguyễn Thị L trình bày: Bị cáo Ngô Quang Tr đã tự nguyện hoàn lại số tiền 15.900.000 đồng cho vợ chồng chị nên chị không có yêu cầu gì thêm. Về phần hình phạt chị đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong đơn xin vắng mặt anh Nguyễn Văn Long trình bày: Anh không có ý kiến và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q truy tố bị cáo Ngô Quang Tr về tội “ *Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. “ *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...*”

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bản thân bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả và đầu thú. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần thiết cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Bị cáo Ngô Quang Tr là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp thực hiện hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ mà còn gây mất trật tự và gây hoang mang cho quần chúng nhân dân tại địa phương. Tuy nhiên, bị cáo không có mục đích trộm cắp tài sản từ trước mà hành vi của bị cáo là bột phát do sơ hở, chủ quan của bị hại. Bản thân bị cáo đã tự nguyện khắc phục hoàn toàn hậu quả và đầu thú về hành vi phạm tội của mình, Đồng thời bị

hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đó đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung cũng là phù hợp với Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về vật chứng:

Số tiền 15.900.000 đồng đã trả lại cho Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời bị hại không có yêu cầu gì thêm. Do đó không xem xét giải quyết.

[6] Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền: Xét bị cáo thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội bị cáo đã được Cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng Hình sự quy định; Tại phiên tòa bị cáo cũng đã thừa nhận thực hiện hành vi như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo Ngô Quang Tr phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Ngô Quang Tr**, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: **Ngô Quang Tr** 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ngô Quang Tr cho UBND phường T, thị xã Q, tỉnh Q giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa

án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” đối với bị cáo Ngô Quang Tr.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Ngô Quang Tr phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Q;
- VP Công an tỉnh Q
- VKSND TX. Q;
- Công an TX. Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS TX. Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phan Tuấn Anh